

TRƯỜNG MN SỐ 1 PHÚC KHÁNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
LỚP MN GHÉP 2,3 TUỔI TRĨ TRONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:01/KH- MNG 2,3T

Phúc Khánh, ngày 11 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Lớp mầm non ghép 2, 3 tuổi

Căn cứ để xây dựng kế hoạch:

Căn cứ vào Quyết định số 2269/QĐ- BGDĐT, ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Bộ GD&ĐT Quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025- 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Căn cứ vào Quyết định số 796/QĐ- UBND, ngày 13 tháng 08 năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai Quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào Kế hoạch số 164 /KH-MN, ngày 27/8/2025. Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường MN số 1 Phúc Khánh.

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ- MN ngày 27/8/2025 của HT trường MN số 1 Phúc Khánh. QĐ về việc ban hành kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026.

Căn cứ kế hoạch số 196/KH- MN ngày 10 tháng 9 năm 2025, kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2025- 2026 của trường Mầm non số 1 Phúc Khánh.

Căn cứ kế hoạch số 183/KH-MN ngày 09/9/2025 của trường Mầm non số 1 Phúc Khánh kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026.

Căn cứ vào tình hình thực tế lớp MN ghép 2,3 tuổi Trĩ Trong năm học 2025-2026.

Lớp MN ghép 2,3 tuổi Trĩ Trong xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

I. Đánh giá thực trạng

1. Đặc điểm tình hình

* Tổng số trẻ:

- Năm học 2025- 2026 Lớp MN ghép 2,3 tuổi Trĩ Trong được giao chỉ tiêu tuyển sinh 15 trẻ 2,3 tuổi. Tổng số trẻ tuyển sinh 15/15 trẻ so với chỉ tiêu được giao. Trong đó:

+ Trẻ 3 tuổi: 9 trẻ; Trẻ dân tộc: 8; Nữ: 4; Nữ dân tộc: 4; Nam: 5

+ Trẻ 2 tuổi: 10 trẻ; Trẻ dân tộc: 10; Nữ: 6; Nữ dân tộc: 6; Nam: 4

* Tổng số giáo viên:

Tổng số giáo viên: 2 giáo viên. Trong đó: DT: 2; Nữ: 2; Nữ DT: 2. Trình độ đào tạo: Đại học: 1; Cao đẳng: 1

Cơ sở vật chất và đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học được bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường và đảm bảo yêu cầu dạy học tại lớp.

1.1. Thuận lợi:

- Hai giáo viên đều có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, nhiệt tình, yêu nghề mến trẻ. Có ý thức học hỏi ứng dụng công nghệ thông tin vào soạn giảng và tổ chức các hoạt động dạy trẻ.

- Giáo viên tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Hai giáo viên luôn nhận được sự ủng hộ, tin tưởng của cha mẹ trẻ, phụ huynh quan tâm đến con em mình có sự kết hợp, giúp đỡ giáo viên trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

- Luôn được sự quan tâm giúp đỡ của BGH và chuyên môn nhà trường về công tác chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất cho năm học mới.

- Nhận thức của nhân dân địa phương về tầm quan trọng về giáo dục đã có chuyển biến tích cực. Vì vậy nhà trường đã tham mưu với chính quyền địa phương xã hội hóa về cơ sở vật chất và đồ dùng dạy học đã được nhân dân giúp đỡ và hỗ trợ về cơ sở vật chất cũng như việc chăm sóc trẻ.

- Tỷ lệ huy động trẻ 2,3 tuổi ra lớp đạt theo chỉ tiêu giao tuyển sinh.

1.2. Khó khăn:

- Điều kiện kinh tế một số gia đình còn gặp nhiều khó khăn; dân cư sống rải rác không tập trung, địa hình đi lại phức tạp, trẻ nhỏ sức đề kháng kém hay bị ốm do đó ảnh hưởng đến tỷ lệ đi học chuyên cần nhất là các ngày mưa, bão, giai đoạn chuyển mùa.

- Trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi phục vụ cho các chủ đề còn thiếu thốn, chưa đa dạng.

- Học sinh dân tộc chiếm 94,7%

- Học sinh mới ra lớp chưa có nề nếp, còn khóc nhiều.

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đầu năm học còn cao.

- Một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến con em mình.

- Lớp còn thiếu đồ dùng phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Việc tổ chức các hoạt động giáo dục tại lớp còn gặp nhiều khó khăn do trẻ còn nhỏ, nhận thức của trẻ không đồng đều, trẻ mới ra lớp còn bỡ ngỡ nhút nhát,

chưa có nền nếp, trẻ chưa mạnh dạn trong giao tiếp còn quấy khóc nhiều, trẻ còn chưa biết nói, nghe chưa hiểu lời cô, chưa biết bày tỏ nhu cầu mong muốn của bản thân với người lớn và cô.

- Trẻ 2,3 tuổi mới ra lớp còn khóc nhiều, trẻ chưa quen với nề nếp sinh hoạt tại trường, trẻ nhỏ nên hay ốm vì vậy tỷ lệ chuyên cần của trẻ 2,3 tuổi ở các lớp đạt tỷ lệ còn thấp.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ của cả hai giáo viên còn hạn chế, chưa được thường xuyên.

II. Chỉ tiêu

1. Chỉ tiêu chung

- Danh hiệu lao động tiên tiến: 02
- Lớp học: Xếp loại Tốt
- Xây dựng môi trường lớp học: Xếp loại tốt
- Duy trì tỉ lệ chuyên cần hàng ngày từ đầu năm đến cuối năm đạt từ 95% trở lên.

- Học sinh: 92 - 95% trở lên trẻ đạt yêu cầu về phát triển nhận thức và giao tiếp tiếng Việt.

- 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày được đảm bảo về thể chất và tinh thần.

- 100% trẻ đến trường được theo dõi sức khỏe và chăm biểu đồ.

2. Chỉ tiêu cụ thể của nhóm lớp:

- Tỉ lệ trẻ chuyên cần từ 95% trở lên.
- Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cuối độ tuổi
- + Cân nặng, chiều cao: 92% trẻ PTBT về cân nặng, chiều cao.
- + Chỉ số phát triển ở các lĩnh vực giáo dục: Thể chất $13/15 = 86,7\%$; Nhận thức $14/15 = 93,3\%$; Ngôn ngữ: $14/15 = 93,3\%$, TCKNXH $14/15 = 93,3\%$; Thẩm mỹ: $14/15 = 93,3\%$

- Đảm bảo an toàn cho trẻ 100% trẻ đảm bảo an toàn tại trường, không có tai nạn thương tích, không bị ngộ độc thực phẩm.

- Trình độ, năng lực của giáo viên: 02 giáo viên đạt trình độ chuẩn trên chuẩn, giáo viên có năng lực quản lý lớp và thực hiện tốt nội dung, chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

- Công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng: Tích cực học hỏi, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các lớp bồi dưỡng bài giảng thư viện điện tử qua trang mạng xã hội, internet, dự giờ chia sẻ và học hỏi chuyên môn đồng nghiệp, 02/02 giáo viên xếp loại HT BDTX năm học 2025 - 2026.

- Kết quả đánh giá: Chuyên môn: 02 giáo viên xếp loại chuyên môn giỏi,

chuẩn nghề nghiệp: 02 giáo viên xếp loại tốt; Viên chức: 02 giáo viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

III. Biện pháp thực hiện

- Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế của ngành, của trường. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ theo kế hoạch giáo dục tuần, ngày đảm bảo.

- Đánh giá trẻ cuối ngày, cuối độ tuổi thực chất, khách quan để có những biện pháp bồi dưỡng cho trẻ phù hợp.

- Duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt từ 90 - 95% trở lên. Làm tốt công tác tuyển sinh đầu năm học, phấn đấu huy động lớp MN ghép 2,3 tuổi đạt so với chỉ tiêu được giao 15/15 trẻ.

- Chuẩn bị và tổ chức tốt công tác cho trẻ ăn tại lớp, thực hiện nghiêm ngặt về vệ sinh ATTP. Phối hợp với Phó Hiệu trưởng phụ trách dinh dưỡng xây dựng thực đơn dinh dưỡng cân đối phù hợp với lứa tuổi, thay đổi theo tuần, theo mùa để giúp trẻ phát triển khỏe mạnh, cân đối. Thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ. Tuyên truyền phụ huynh hỗ trợ tổ chức các “Bữa ăn dinh dưỡng”, “Ngày hội dinh dưỡng của bé” để bổ sung thêm dinh dưỡng, cải thiện bữa ăn cho trẻ. Phối hợp với cha mẹ, người giám hộ trong công tác nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Tuyên truyền đến phụ huynh chăm sóc can thiệp đối với trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi.

- Chủ động xây dựng kế hoạch GDMN sau sửa đổi phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp. Đổi mới phương pháp giáo dục theo phương châm “Học thông qua vui chơi, trải nghiệm”, gắn kết việc quan sát, theo dõi, đánh giá hàng ngày để điều chỉnh kế hoạch giáo dục chủ đề, tuần, ngày. Nghiêm túc thực hiện đánh giá trẻ trên cơ sở điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp.

- Thực hiện đón và trả trẻ tận tay phụ huynh, sát sao với trẻ ở mọi lúc mọi nơi, loại bỏ hết những yếu tố gây mất an toàn đối với trẻ. Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ trong thời gian ở trường, phòng tránh các tai nạn, thương tích cho trẻ.

- Sử dụng đồ dùng trực quan sinh động thu hút trẻ tham gia, thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm, linh hoạt thay đổi hình thức tổ chức tiết dạy tạo cho trẻ sự hứng thú tham gia giờ học, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy.

- Tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo, hội nghị tập huấn về chuyên môn giáo viên. Tích cực tự học tự bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới về giáo dục mầm non. Trao đổi, học hỏi chia sẻ kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp các bạn đồng nghiệp. Tiến hành học BDTX theo đúng kế hoạch của cá nhân đã xây dựng.

- Tiến hành tự đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp vào cuối năm học.

IV. Kế hoạch giáo dục

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

1.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ nhà trẻ (24 – 36) tháng

1.1.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi
- + Chế độ ăn: Cơm thường
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 930- 1000 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651Kcal.*
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 25% năng lượng cả ngày.
- + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*
Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần
Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

1.1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

1.1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

1.1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

1.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi

1.2.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa (*Thực đơn không lặp lại trong 1 tuần*).

1.2.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

1.2.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

1.2.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Giáo dục

2.1: Mục tiêu, nội dung trẻ nhà trẻ (24 – 36) tháng

Lĩnh vực	Mục tiêu	Nội dung
-----------------	-----------------	-----------------

<p>- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</p> <p>+ Cân nặng bình thường của trẻ trai: 11,3 - 18,3 kg; Trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg</p> <p>+ Chiều cao bình thường của trẻ trai: 88,7 - 103,5 cm; Trẻ gái: 87,4 - 102,7 cm.</p>	<p>- Theo dõi chiều cao, cân nặng theo biểu đồ tăng trưởng.</p> <p>- Trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi.</p>
<p>- Có một số tổ chất vận động ban đầu (Nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).</p>	<p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra.</p> <p>- Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.</p> <p>- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên.</p> <p>- Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.</p>

Phát triển thể chất	<p>- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.</p>	<p>2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản. + <i>Bò zích zắc qua 3 điểm</i> - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ. - Tập tung, ném, bắt: + Tung- bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích (<i>từ 1.5m - 2m</i>)
	<p>- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay.</p>	<p>3. Các cử động của bàn tay , ngón tay và phối hợp tay mắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, nhào, khuấy, đảo, vò, xé. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.

	<p>- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.</p>	<p>1. Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; <i>Rửa tay sau khi đi vệ sinh, rửa tay khi tay bẩn</i>; vứt rác đúng nơi quy định.
	<p>- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.</p>	<p>2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. <p>3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.

<p>Phát triển nhận thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thích tìm hiểu khám phá về thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan 	<p>1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua- cay).
------------------------------------	---	---

<p>- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.</p> <p>- Có khả năng quan sát nhận xét, nghi nhớ và diễn đạt để hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.</p>	<p>2. Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số bộ phận của cơ thể con người - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân, trán, cằm, má... - Một số đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Một số phương tiện giao thông quen thuộc - Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi. - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian. - Màu đỏ, vàng, xanh, đen, trắng - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông, hình tam giác - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều. - Bản thân, người gần gũi - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
--	--

Phát triển ngôn ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. 	<p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?,.... thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Hồn nhiên trong giao tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. <p>3. Làm quen với sách</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. 	<p>1. Phát triển tình cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Ý thức về bản thân</i> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân và bạn. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc, hành động. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. 	<p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi. - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi. - Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn, không đánh bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.

	<p>- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình ,thích nghe đọc thơ, kể chuyện...</p>	<p>3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</p> <p>- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</p> <p>- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.</p> <p>- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.</p> <p>- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.</p> <p>- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.</p> <p>- Xem tranh.</p>
--	--	--

2.2: Mục tiêu, nội dung trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi

Lĩnh vực	Mục tiêu	Nội dung
	<p>I. Phát triển vận động</p> <p>1. Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.</p> <p>2. Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.</p>	<p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra.</p> <p>- Tay:</p> <p>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.</p> <p>+ Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.</p> <p>- Lưng, bụng, lườn:</p> <p>+ Cúi về phía trước.</p> <p>+ Quay sang trái, sang phải.</p> <p>+ Nghiêng người sang trái, sang phải.</p> <p>- Chân:</p> <p>+ Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ.</p> <p>+ Co duỗi chân</p> <p>2. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</p> <p>- Đi và chạy:</p>

<p>A. Phát triển thể chất</p>	<p>3. Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.</p> <p>4. Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay</p> <p>II. Giáo dục dinh dưỡng</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đi kiễng gót. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đích. + Đi trong đường hẹp (<i>4 m x 02 m</i>) - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đích. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). + Bò trong đường hẹp (<i>4 m x 0.4 m</i>) - Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm. <p>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc. <p>4. Nhận biết một số món ăn, thực</p>
--------------------------------------	--	--

	<p>1. Có một số hiểu biết về một số thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.</p> <p>2. Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo an toàn cho bản thân.</p> <p>.</p>	<p>phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). <p>5. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh <p>6. Giữ gìn sức khỏe và an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. <i>(Không xem ti vi và điện thoại khi ăn, uống)</i> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
<p>B. Phát</p>	<p>I. Khám phá khoa học</p> <p>1. Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.</p>	<p>1. Các bộ phận của cơ thể con người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. <p>2. Đồ vật:</p> <p>Đồ dùng, đồ chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử

<p>triển nhận thức</p>	<p>2. Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.</p> <p>3. Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.</p> <p>II. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> <p>Có hiểu biết cơ bản một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p>	<p>dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>Phương tiện giao thông</p> <p>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p> <p>3. Động vật và thực vật</p> <p>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</p> <p>- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.</p> <p>4. Một số hiện tượng tự nhiên:</p> <p>- Thời tiết, mùa</p> <p>+ Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</p> <p>- Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</p> <p>+ Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</p> <p>- Nước</p> <p>+ Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.</p> <p>+ Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.</p> <p>- Không khí, ánh sáng</p> <p>+ Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.</p> <p>- Đất đá, cát, sỏi</p> <p>+ Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p> <p>1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm</p> <p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.</p> <p>- 1 và nhiều.</p>
---------------------------------------	--	---

	<p>III. Khám phá xã hội</p> <p>1. Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</p> <p>2. Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. <p>2. Xếp tương ứng</p> <p>Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.</p> <p>3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ. <p>4. Đo lường</p> <p>5. Hình dạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép. <p>6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.</p> <p>Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</p> <p>1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. <p>2. Một số nghề trong xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. <p>3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của
--	--	--

		địa phương.
<p>C. Phát triển ngôn ngữ</p>	<p>1. Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.</p> <p>2. Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)</p> <p>3. Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>4. Có khả năng cảm nhận được vận điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao đồng dao phù hợp với độ tuổi.</p> <p>5. Có khả năng cảm nhận được vận điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao đồng dao phù hợp với độ tuổi.</p> <p>6. Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.</p>	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. <p>3. Làm quen với đọc, viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)

		<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
<p>D. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có ý thức về bản thân. 2. Có một số phẩm chất cá nhân: Mạnh dạn, tự tin, tự lực. 3. Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. 4. Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. 5. Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan 	<p>1. Phát triển tình cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức về bản thân <ul style="list-style-type: none"> + Tên, tuổi, giới tính. + Những điều bé thích, không thích. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. + Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. + Kính yêu Bác Hồ. + Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. <p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội <ul style="list-style-type: none"> + Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). + Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). + Chờ đến lượt.

	<p>tâm, chia sẻ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. + Chơi hòa thuận với bạn. + Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Quan tâm đến môi trường + Tiết kiệm điện, nước. + Giữ gìn vệ sinh môi trường. + Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
<p>E. Phát triển thẩm mỹ</p>	<p>1. Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>2. Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; Có ý thức giữ gìn, bảo vệ cái đẹp.</p> <p>3. Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.</p>	<p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. <p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng một số kỹ năng <i>tô</i>, vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Nhận xét sản phẩm tạo hình. <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.

		<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
--	--	---

3. Dự kiến các chủ đề và thời gian thực hiện các chủ đề trong năm học

Số thứ tự chủ đề giáo dục thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề
Trường mầm non	2 Tuần: 08/9/2025 - 19/9/2025	
	- Trường mầm non của bé	- Tuần 1: 08/9 - 12/9/2025
	- Lớp học của bé (Khám phá về giấy - 5E)	- Tuần 2: 15/9 - 19/9/2025
Bản thân	5 Tuần: 22/9/2025- 24/10/2025	
	- Bé là ai?	- Tuần 3 : 22/9 - 26/9/2025
	- Tết trung thu	- Tuần 4: 29/9 - 03/10/2025
	- Cơ thể bé (Làm kính mắt- EDP)	- Tuần 5: 06/10 - 10/10/2025
	- Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh? (Tuần 1)	- Tuần 6: 13/10 - 17/10/2025
	- Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh? (Tuần 2)	- Tuần 7: 20/10 - 24/10/ 2025
	3 Tuần: 27/10/ 2025 - 14/11/2025	
Gia đình	- Gia đình bé (Làm khung ảnh - EDP)	- Tuần 8: 27/10 - 31/10/2025
	- Ngôi nhà gia đình ở	- Tuần 9: 03/11 - 07/11/2025
	- Đồ dùng gia đình	- Tuần 10: 10/11- 14/11/2025

Nghề nghiệp	5 Tuần: 17/11/2025 - 19/12/2025	
	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 (làm thiệp tặng cô - EDP)	- Tuần 11: 17/11 - 21/11/2025
	- Một số nghề phổ biến	- Tuần 12: 24/11- 28/11/2025
	- Nghề truyền thống, sản xuất	- Tuần 13: 01/12 - 05/12/2025
	- Nghề dịch vụ	- Tuần 14: 08/12 - 12/12/2025
	- Ngày 22- 12	- Tuần 15: 15/12 - 19/12/2025
Thế giới động vật	4 Tuần: 22/12/2025 - 16/01/2026	
	- Động vật nuôi trong gia đình (Tuần 1)	- Tuần 16: 22/12- 26/12/ 2025
	- Động vật nuôi trong gia đình (Tuần 2) (Khám phá quả trứng gà- 5E)	- Tuần 17: 29/12- 02/01/2026
	- Động vật sống dưới nước	- Tuần 18: 05/01 - 09/01/2026
	- Động vật sống trong rừng	- Tuần 19: 12/01 - 16/01/2026
Thế giới thực vật	5 Tuần: 19/01/2026 - 06/3/2026	
	- Một số loại cây	- Tuần 20: 19/01 - 23/01/2026
	- Một số loại rau	- Tuần 21: 26/01 - 30/01/2026
	- Một số loại quả	- Tuần 22: 02/02 - 06/02/2026
	- Tết và mùa xuân	- Tuần 23: 09/2 - 13/02/2026
	- Hoa đẹp quanh bé + ngày 8/3 (Dự án Steam: Làm hoa từ nhiều nguyên vật liệu)	- Tuần 24: 02/3- 06/3/2026
Giao thông	4 Tuần: 09/3/2026 - 03/4/2026	
	- Một số PTGT đường bộ (Tuần1)	- Tuần 25: 09/3 - 13/3/2026
	- Một số PTGT đường bộ (Tuần2)	- Tuần 26: 16/3- 20/3/2026

	- Một số PTGT đường thủy (Khám phá thuyền buồm- 5E)	- Tuần 27: 23/3 - 27/3/2026
	- Một số PTGT đường sắt, đường hàng không	- Tuần 28: 30/3 - 03/4/2026
Nước và hiện tượng tự nhiên	4 Tuần: 06/4/2026 - 29/4/2026	
	- Nước (Khám phá vật chìm vật nổi- 5E)	- Tuần 29: 06/4 - 10/4/2026
	- Một số hiện tượng tự nhiên (tuần 1)	- Tuần 30: 13/4 - 17/4/2026
	- Một số hiện tượng tự nhiên (tuần 2)	- Tuần 31: 20/4 – 24/4/2026
	- Mùa hè	- Tuần 32: 27/4 - 29/4/2026
Quê hương đất nước, Bác Hồ	3 Tuần: 04/5/ 2026 - 22/5/2026	
	- Quê hương yêu quý (Trang trí nón lá - EDP)	- Tuần 33: 04/5 - 08/5/2026
	- Đất nước diệu kỳ.	- Tuần 34: 11/5 - 15/5/2026
	- Bác Hồ kính yêu.	- Tuần 35: 18/5 - 22/5/2026

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của Lớp MN ghép 2,3 tuổi Trĩ Trong năm học 2025 - 2026./.

Nơi nhận

- BGH nhà trường
- Lưu: nhóm, lớp;

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Hoàng Thị Sức

Hoàng Thị Sức

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

Sâm Thị Trắg

Sâm Thị Trắg